

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vân Thị Thu Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

2. Bà Nguyễn Lê Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Diệu- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại hội trường xử án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 718/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-3-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST- HNGĐ ngày 17-4-2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1985. Có mặt

Bị đơn: Chị Ngô Thị Minh T2, sinh năm: 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-11-2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Anh và chị T2 quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới. Chung sống từ năm 2004 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 04-7-2005. Lúc mới cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ vợ. Đến năm 2005 chuyển về sống tại nhà cha mẹ anh ở phường M đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ tháng 8/2015 do ghen tuông, chị T2 nói đi khám bệnh ở Sài Gòn nhưng không thấy về. Khoảng hơn 10 ngày sau anh có điện thoại kêu về nhưng vợ anh không về. Thỉnh thoảng chị T2 có về thăm con rồi đi lại. 10

ngày đầu khi chị T2 mới đi thì vợ chồng có liên lạc qua điện thoại. Sau đó không liên lạc đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị T2 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh ngày 07-5-2004, Nguyễn Ngọc T4, sinh ngày 24-5-2007 và Nguyễn Ngọc T5, sinh ngày 05-4-2009. Các con hiện đang ở với anh, anh xin nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Hiện nay anh làm thợ hồ, thu nhập một tháng khoảng 9.000.000 đồng. Chị T2 may ở thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập bao nhiêu anh không biết.

Bị đơn chị Ngô Thị Minh Thắm đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh T1 xin ly hôn và xin nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay Bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Ngô Thị Minh T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa anh T1 trình bày mâu thuẫn phát sinh do chị T2 hay ghen tuông nên vợ chồng thường cãi nhau. Tháng 8 năm 2015 chị T2 bắt gặp anh với người phụ nữ khác nên chị T2 bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh sống đến nay. Thật sự anh với người phụ nữ này chỉ quen biết qua điện thoại, hôm đó cô ta ở miền Tây ra và nhờ anh thuê giúp chỗ nghỉ. Anh đang định về thì vợ anh tới. Anh có điện thoại cho chị T2 đề hàn gắn tình cảm nhưng chị T2 không đồng ý. Gần 03 năm nay anh và chị T2 không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống.

Chị T2 cũng không gửi tiền về lo cho các con. Theo biên bản xác minh ngày 02-01-2018 (BL 16) tại địa phương cho biết: mâu thuẫn do ghen tuông nên vợ chồng hay cãi vã, chị T2 đi vào thành phố Hồ Chí Minh sống, thỉnh thoảng có về thăm con. Hơn nữa chị T2 biết việc anh T1 đang nộp đơn ở Tòa nhưng không đến Tòa làm bản khai, không tham gia các buổi hòa giải, xét xử... cho thấy chị T2 có thái độ bỏ mặt, muốn ra sao thì ra, không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa anh T1 vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh cho rằng cả hai vợ chồng đều không còn tình cảm. Xét thấy vợ chồng đã ly thân gần 03 năm nay, mạnh ai nấy sống, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lỗi dẫn đến ly hôn thuộc về cả hai vợ chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T1.

[2.3] Về quan hệ con cái: Từ khi chị T2 đi đến nay, anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con, các con đều có nguyện vọng ở với ba; chị T2 cũng không có ý kiến gì về vấn đề con cái xem như tự từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử quyết định giao 03 con chung Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh ngày 07-5-2004, Nguyễn Ngọc T4, sinh ngày 24-5-2007 và Nguyễn Ngọc T5, sinh ngày 05-4-2009 cho anh Nguyễn Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ kiện này.

[2.5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T1. Anh Nguyễn Ngọc T1 được ly hôn với chị Ngô Thị Minh T2.

Về quan hệ con cái: Anh Nguyễn Ngọc T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh ngày 07-5-2004, Nguyễn Ngọc T4, sinh ngày 24-5-2007 và Nguyễn Ngọc T5, sinh ngày 05-4-2009. Chị T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu.

(Các con hiện nay đang ở với anh T1).

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014451 ngày 15-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm. Anh T1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
- CC THADS TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Các đương sự;
- UBND P. M;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vân Thị Thu Sang